TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-PT
Ngày 25/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***

Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 275/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị H. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký HKTT: Số G, hẻm G, Tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Số A, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T, sinh 1964 và bà Phan Thị B, sinh năm 1968; Chồng: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; Con: 01 người tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2010; Tiền sự, tiền án: Không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp bị cáo Nguyễn Thị H: Bà Phan Thị B, sinh năm 1968 (mẹ ruột bị cáo H); Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Thị H:

+ Luật sư Lê Thị Vân L - Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

+ Luật sư Lê Anh T2 - Văn phòng Luật sư Lê Anh T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

** Các bị cáo không có kháng cáo:* Nguyễn Văn H1, Trương Văn T3, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Duy Kỳ T4. (Tất cả vắng mặt)

** Bị hại:*

1. Đặng Quang L1, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, đường N, Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, đường N, Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;Tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

4. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

5. Trương Văn T3, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

6. Nguyễn Thanh D, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Số C, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Hộ không số, hẻm G, tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

7. Nguyễn Duy Kỳ T4 (N), sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Số C, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Hộ không số, hẻm G, tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số G, hẻm G, tổ E, đường N, Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Minh T6, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số H, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Duy T7, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Hộ không số, hẻm G, tổ E, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn giữa 02 bên gia đình nhà đối diện nhau trong cùng một con hẻm, gồm:

- Gia đình bị cáo Nguyễn Thị H gồm: Bị cáo H, bị cáo Nguyễn Văn H1 (chồng bị cáo H), bị cáo Trương Văn T3 (em rể của bị cáo H1), L2 (vợ T3), T5 (em của H1), L1 (chồng bà T5).

- Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh D gồm: Bị cáo D (mẹ của T4), bị cáo T4 và T6 (chồng của T4).

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/4/2020, giữa gia đình D và gia đình H1 xảy ra cự cãi về việc chó nuôi trong nhà của D sủa gây ồn ào làm cho những người trong xóm không ngủ được. D điện thoại trình báo Công an đến giải quyết, hòa giải xong, tất cả về nhà.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, D, T4 (con ruột của D) và H đứng trước cửa nhà tiếp tục cự cãi qua lại, thời điểm này T6 (chồng cũ của T4) cũng từ trong nhà đi ra.

Lúc này, D, T4 và H xông vào đánh nhau, H bỏ chạy và tri hô cho H1 biết để tiếp ứng;

- D chạy vào nhà lấy 01 vỏ chai thủy tinh đuổi theo H, T4 và T6 cũng chạy theo sau D.

- Khi H chạy đến vị trí chòm mộ, cách cửa nhà H khoảng 10m, H dùng tay rút lấy sào phơi quần áo được làm bằng 01 đoạn cây tre chiều dài khoảng 02m, đường kính khoảng 03cm gần đó đánh nhiều cái trúng vào người D làm cho cây tre bị gãy ra thành nhiều đoạn.

- Cùng lúc này, khi nghe tiếng tri hô của H, H1 (chồng của H) từ trong sân nhà của T3 (em rễ của H1) chạy ra thì nhìn thấy H và D đang đánh nhau, còn T4 và T6 cũng vừa chạy đến;

- H1 rút lấy 01 thanh kim loại màu trắng, chiều dài 1,50m, đường kính 03cm làm sào phơi quần áo trên hàng rào nhà T3 chặn lại và quơ loạn xạ về phía T4, T6, rồi dùng thanh kim loại đánh nhiều cái vào vùng lưng, đầu của T6, T6 bị ngã xuống đường.

- Trân liền chạy vào nhà lấy 02 vỏ chai thủy tinh chạy ra đến ngôi mộ cách cửa nhà D khoảng 03m, T4 cầm 02 vỏ chai thủy tinh đập vào thành mộ làm bể vỏ chai, còn cầm lại mảnh cổ chai thủy tinh.

- Liễu (là em ruột của H1 và là vợ của T3) cũng nghe tiếng H tri hô liền chạy ra ngay theo sau H1, nhìn thấy H1 đang đánh T6 nên L2 tri hô, kêu T3 ra.

- Nghe L2 la lớn tiếng, T3 từ trong nhà chạy ra thì nhìn thấy H1 đang dùng thanh kim loại đánh T6, nên T3 chạy đến giật thanh kim loại của H1 ném xuống

đường trước cổng rào nhà T3, sau đó T3 dùng tay câu cổ quật đè T6 xuống đường và đánh vào vùng mặt của T6 01-02 cái.

- Nhìn thấy T6 bị T3 đè đánh, T4 chạy đến, từ phía sau dùng vỏ cổ chai thủy tinh đã vỡ đâm 01 nhát trúng vào cánh tay trái trượt xuống vùng nách trái của T3 làm rách da chảy máu, nên T3 buông T6 ra.

- Lúc này, L2 từ trong nhà chạy ra, kéo T3 vào băng đá trước cửa nhà và dùng bông băng lau vết thương cho T3.

- Khi đang đánh nhau với H, nhìn thấy T4, T6 bị T3 và H1 đánh, thì D cầm vỏ chai thủy tinh chạy đến đánh nhiều cái trúng vào vùng đầu và vai của H1 làm chảy máu.

- Thấy H1 bị D đánh; H tiếp tục rút lấy 01 thanh gỗ cạnh vuông chiều dài 74cm, chiều rộng 5,5cm trên sào phơi quần áo đánh nhiều cái trúng vào tay của D làm rơi vỏ chai thủy tinh xuống đường.

- D bỏ chạy vào nhà lấy 01 con dao rựa, cán và lưỡi bằng kim loại màu đen, chiều dài 35cm, lưỡi dao rộng 08cm quay trở ra; tiếp tục đánh nhau với H thì bị H dùng thanh gỗ đang cầm trên tay đánh mạnh nhiều cái trúng vào tay phải của D làm Duyên bị gãy tay; nên D buông con dao rựa rơi xuống đường, D ôm tay bỏ chạy ra hướng đường N. H cũng ném bỏ thanh gỗ ở vách nhà T3 và rượt đuổi theo D, H vật D ngã ngữa ra đường, đè lên người D, dùng tay nắm tóc D và nhặt 01 cục gạch ở gần đó định đập vào đầu D thì được L2 ngăn lại, giật cục gạch ném đi và kéo H ra, nên H buông D ra.

- Trong lúc H dùng thanh gỗ đánh làm Duyên bị gãy tay, rơi dao rựa và bỏ chạy thì bà T5 (là em ruột của H1) đang ở trong nhà, nghe tiếng ồn ào nên đi ra nhìn thấy H1 đang đánh T6, bà T5 liền chạy đến can ngăn, kéo H1 đi về phía cổng nhà bà T5.

- Trân nhìn thấy D làm rơi dao nên chạy đến nhặt con dao đuổi theo, khi đến trước cổng nhà bà T5, T4 nhìn thấy ông L1 (chồng bà T5) vừa mở cửa rào bước ra thì xông đến cầm dao bằng tay trái chém ông L1 hướng từ trên xuống, ông L1 bị bất ngờ nên dùng tay phải đỡ làm trúng vào lưỡi dao bị đứt lòng bàn tay chảy máu, ông L1 ôm tay bỏ chạy ra hẻm phía sau nhà.

- Trân tiếp tục cầm dao chém loạn xạ làm trúng vào vùng lưng, bả vai bên phải của bà T5 làm chảy máu.

- Đối với T3, khi đang ngồi tại băng đá trước cửa nhà để lau chùi vết thương do bị T4 đâm; thì nhìn thấy T4 cầm dao rựa chém ông L1 và bà T5, nên T3 chạy ra bên hông nhà, nhặt lấy thanh gỗ cạnh vuông mà H ném bỏ, chạy đến đánh mạnh nhiều cái vào tay trái đang cầm dao rựa của T4 làm con dao suýt rơi xuống đất, nên T4 dùng tay phải chụp con dao lại, trúng vào lưỡi dao làm đứt 02 ngón tay của bàn tay phải.

Liền lúc này, T3 từ phía sau dùng 02 tay cầm 02 đầu thanh gỗ vuông tròng qua đầu T4 xuống đến ngang ngực, kẹp chặt lại, quật T4 ngã sấp xuống mặt đường

và dùng đầu gối chân phải đè lên lưng của T4, sau đó T3 dùng tay trái giật ngược lấy dao của T4 làm lưỡi dao cắt vào đốt gần ngón V phía ngoài bàn tay trái của T4, sau đó, T3 ném dao vào trước cửa nhà ông L1 rồi buông T4 ra.

Lúc này, T6 đi đến đỡ T4 dậy và cùng D đi vào nhà. Sau khi chấm dứt đánh nhau, D, T4, T6 và ông L1 được người thân đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu, điều trị từ ngày 26/4/2020 đến ngày 29/4/2020 thì T4, T6, D và ông L1 lần lượt xuất viện. Riêng H, H1, T3, bà T5 không nhập viện mà được khâu lại các vết thương và mua thuốc về nhà tự điều trị.

* Vật chứng, đồ vật tạm giữ gồm:

- 01 thanh kim loại màu trắng, chiều dài 150cm, có một đầu hình cầu, đường kính 03cm bị biến dạng nhiều nơi.

- 01 con dao cán và lưỡi bằng kim loại màu trắng, chiều dài 30cm, cán dao được quấn băng keo màu vàng đen, lưỡi dao nhọn sắc bén, kèm theo 01 đoạn giấy quấn băng keo màu đen, chiều dài 0,23m (dùng để quấn lưỡi dao).

- 01 thanh gỗ cạnh vuông, chiều dài 74cm, chiều rộng 5,5cm.

- 01 con dao rựa, cán và lưỡi bằng kim loại màu đen, chiều dài 35cm, lưỡi dao rộng 08 cm.

- 01 vỏ chai bia nhãn hiệu Sài Gòn L và số mảnh vỡ thủy tinh màu trắng xanh.

- 03 đoạn thanh tre mà H sử dụng để đánh nhau với D.

- 01 áo thun của nữ màu xanh có hoa văn vàng đỏ, phía trên mặt sau bên phải có dính vết màu nâu (đã qua sử dụng) của bà Nguyễn Thị Thanh T5.

- Số tiền 1.000.000 đồng của T3 nộp để bồi thường thiệt hại cho T4, T4 đã nhận 1.000.000 đồng.

- Số tiền 2.000.000 đồng của H, H1 nộp để bồi thường thiệt hại cho D, nhưng D không đồng ý nhận.

Quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sa Đéc đã tạm giữ:

- 01 con dao rựa màu đen, cán dao dài 10,2cm, lưỡi dao dài 25,1cm, tổng chiều dài 35,3cm, lưỡi rộng nhất 7,8cm, trên lưỡi in chìm 03 hàng ký hiệu không rõ nội dung của Nguyễn Thanh D. Qua xác minh, xác định con dao này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã hoàn trả cho D.

- Số tiền 2.000.000 đồng của T4 nộp để bồi thường thiệt hại cho bị hại L1 và T5, nhưng các bị hại không đồng ý nhận.

Tại các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 205/TgT, 206/TgT, 209/TgT cùng ngày 08/7/2020; số 366/TgT ngày 17/11/2020; số 380/TgT, số 381/TgT cùng ngày 30/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận đối với:

1. Ông Đặng Quang L1.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo vết thương phần mềm lòng bàn tay kẻ ngón I - ngón II vòng ra sau đến mu bàn tay phải đã được phẫu thuật khâu vết thương.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đặng Quang L1 do thương tích gây nên hiện tại là 02%. Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác: Sẹo vết thương nêu trên do vật sắc gây nên.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T5.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo vết thương phần mềm bả vai phải kích thước trung bình.

+ Sẹo vết thương phần mềm giữa lưng kích thước nhỏ.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị Thanh T5 do thương tích gây nên hiện tại là 03%. Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác: Các tổn thương trên do vật có cạnh sắc gây nên.

3. Bà Nguyễn Thanh D.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Gãy hai xương cẳng tay phải, xương liền xấu, lệch trục ảnh hưởng khớp cổ tay.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thanh D do thương tích gây nên hiện tại là 33%. Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác: Tổn thương xương cẳng tay do vật tày có cạnh gây nên.

4. Ông Trương Văn T3.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo vết thương phần mềm đường nách trước bên trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

+ Sẹo vết thương phần mềm cánh tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ tổn thương 02%.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trương Văn T3 do thương tích gây nên hiện tại là 03%. Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác: Các tổn thương trên do vật sắc gây ra.

5. Nguyễn Duy Kỳ T4.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo vết thương phần mềm đốt gần ngón V phía ngoài bàn tay trái, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 01%.

+ Sẹo vết thương phần mềm đốt 03 ngón IV bàn tay phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 01%.

+ Sẹo vết thương phần mềm đốt 02 ngón III bàn tay phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 01%.

+ Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu phải, kích thước nhỏ. Tỷ lệ tổn thương 01%.

+ Vết biến đổi sắc tố da mặt trước cẳng chân trái. Tỷ lệ tổn thương 0,5%.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Duy Kỳ T4 do thương tích gây nên hiện tại là 04%. Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác:

+ Các vết thương vùng bàn tay phải, bàn tay trái do vật sắc gây nên.

+ Vết thương vùng đầu và vết biến đổi sắc tố da vùng cẳng chân trái do vật tày gây nên.

6. Ông Nguyễn Văn H1.

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết biến đổi sắc tố da đỉnh đầu. Tỷ lệ tổn thương 01%.

+Vết biến đổi sắc tố da bả vai trái. Tỷ lệ tổn thương 01%.

- Kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H1 do thương tích gây nên hiện tại là 02% (hai phần trăm). Tại thời điểm giám định. Theo nguyên tắc cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

- Kết luận khác: Tổn thương do vật tày gây nên.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 09/2021/KLGĐ ngày 19/01/2021 của Trung tâm P đối với Nguyễn Thị H kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICU10).

- Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (hung khí) số 02/TgT-HK ngày 25/4/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận đối với Nguyễn Duy Kỳ T4 như sau:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Sẹo vết thương phần mềm phía ngoài bàn tay trái gần dốt ngón V.

+ Sẹo vết thương phần mềm đốt xa ngón IV bàn tay phải.

+ Sẹo vết thương phần mềm đốt giữa ngón III bàn tay phải.

+ Mẫu vật gửi giám định được mô tả chi tiết ở trên (đoạn gỗ dài 74cm, cạnh vuông, bản rộng 5,5cm, dầy 02cm).

- Kết luận:

+ Mẫu vật gửi giám định là đoạn gỗ được mô tả chi tiết ở trên không thể gây nên các vết thương ở các ngón bàn tay trái và bàn tay phải.

Theo Công văn số 278/CV-TTPY ngày 20/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ xác định: Vỏ chai thủy tinh có gây ra các vết thương vùng đỉnh đầu và vai trái cho ông Nguyễn Văn H1.

Trong lúc đánh nhau H, T6 bị thương tích, L2 can ngăn nên có bị xay xát nhẹ, Cơ quan điều tra Công an thành phố S đã ra Quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, nhưng H, T6 và L2 từ chối giám định.

Quá trình điều tra D, T4 có yêu cầu xử lý hình sự đối với H, H1, T3; H, H1, T3, ông L1, bà T5 có yêu cầu xử lý hình sự đối với D, T4, không yêu cầu xử lý hình sự đối với T6; T6 không yêu cầu xử lý hình sự người gây thương tích cho T6.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

1. Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, q, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 năm tù (Hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H1 01 năm 08 tháng tù (Một năm tám tháng tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Căn cứ điểm c Khoản 3 Điều 134, Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T3 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn T3 01 năm 06 tháng tù (Một năm sáu tháng tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn T3 cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

4. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 134, Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy K Trân phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy Kỳ T4 07 tháng tù (Bảy tháng tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Duy K Trân cho Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

5. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 134, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh D 06 tháng tù (Sáu tháng tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên buộc trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, buộc nộp án phí, quyền kháng cáo.

- Ngày 28/6/2024, bị cáo H kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, với nội dung xin giảm hình phạt tù và cho hưởng án treo.

- Tại phiên tòa bị cáo H giữ nguyên kháng cáo, xin giảm hình phạt tù và cho hưởng án treo.

- Luật sư Lê Anh T2 phát biểu bào chữa cho bị cáo H:

+ Hai bên nhà cách nhau con hẻm khoảng 1,8 mét.

+ Bên bị cáo D, H1, T4 là bên rất hung hăng, đánh bên bị cáo H trước.

+ Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử khoảng hơn 03 tháng sau thì bên D, H1 lại đánh nhau tiếp cho thấy bên bị cáo D rất hung hăng.

+ Bị cáo D là người dùng dao chém bị cáo H nên bị cáo H cầm cây đánh lại.

+ Bị cáo H bị bệnh tâm thần, bị kích động do tính hung hăng của bị cáo D.

+ Bị cáo D là người gây chuyện trước, dùng vỏ chai thủy tinh, dùng dao tấn công trước.

+ Bị cáo H không có chuẩn bị hung khí.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và cho bị cáo H được hưởng án treo.

- Luật sư Lê Thị Vân L phát biểu bào chữa cho bị cáo H:

+ Lỗi hỗn hợp của cả hai bên.

+ Hung khí của bên D là nguy hiểm hơn như vỏ chai, dao.

+ Bị cáo H bị bệnh tâm thần bẩm sinh.

+ Năm 2013 có giám định một vụ việc thì kết luận không đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lần này kết luận đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

+ Đề nghị xem xét bị cáo H thực hiện do bị kích động về tinh thần mà gây thương tích cho người khác.

+ Bị cáo D có hành vi trái pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và cho bị cáo H được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vu phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều đúng với quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì đối với các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án cố ý gây thương tích do bị cáo H thực hiện. Do có mâu thuẫn từ trước và bênh vực người thân trong gia đình giữa hai bên. Khoảng 21 giờ ngày 25/4/2020, tại hẻm S, Tổ E, khóm T, phường A, thành phố S các bị cáo: Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H1, Trương Văn T3 dùng cây gỗ, thanh kim loại là hung khí nguy hiểm và dùng tay, chân đánh nhiều cái trúng, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể cho bị cáo Nguyễn Thanh D là 33%. Bị cáo H là người trực tiếp dùng thanh gỗ cạnh vuông là hung khí nguy hiểm đánh gãy tay phải của D, gây thương tích 33%. Đối với các bị cáo D, T4 sử dụng dao rựa, vỏ chai bằng thủy tinh cũng là hung khí nguy hiểm đánh, đâm, chém nhiều cái trúng, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể cho bị cáo Nguyễn Văn H1, ông Đặng Văn L3 mỗi người là 02%, bị cáo Trương Văn T3 và bà Nguyễn Thị Thanh T5 mỗi người là 03%.

Bị cáo H là người đã thành niên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại 33%, phạm tội thuộc trường hợp sử dụng hung khí nguy hiểm.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; tại thời điểm phạm tội bị cáo H bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự) và bị cáo H có ông nội là ông Nguyễn Văn C tham gia Cách mạng được Nhà nước công nhận là Liệt sĩ, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại ác điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Xét thấy, mức hình phạt 02 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra, đồng thời có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin hưởng án treo.

Bị cáo H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù, xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị H.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tối cao (Vụ 1);
- Phòng KTNV & THA TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Sa Đéc;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- CCTHA-DS TP. Sa Đéc;
- Cơ quan THAHS TP. Sa Đéc;
- Cơ quan CS điều tra CA tỉnh ĐT;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh ĐT;
- Phòng hồ sơ NV CA tỉnh ĐT;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông